

Số: 4979 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 5 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020  
của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân  
gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.*

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

a) Triển khai hỗ trợ kịp thời giúp người dân giảm bớt một phần khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

b) Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh để trục lợi chính sách.

#### **2. Yêu cầu**

a) Triển khai thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời; không trùng lắp, không bỏ sót đối tượng theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; đúng tinh thần của Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

b) Đẩy mạnh việc lập hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp để bảo đảm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

c) Các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể tập trung tuyên truyền sâu rộng trong ngành, đơn vị và nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của chính sách này, đồng thời nắm vững nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục đề nghị hỗ trợ theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện chế độ đồng bộ, kịp thời, công khai, tránh các hiện tượng khai man, kê khai khống, lợi dụng để hưởng chính sách.



**HỘI TỘC**



d) Các cấp, các ngành, chính quyền địa phương cần tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; phát hiện, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo thực hiện.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương**

a) Điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 01 tháng liên tục trở lên tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020.

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương.

- Làm việc tại các doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến ngày 31 tháng 3 năm 2020) do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

- Hồ sơ đề nghị theo Mẫu số 01 kèm theo Kế hoạch này.

- Doanh nghiệp lập danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; đề nghị tổ chức Công đoàn cơ sở (nếu có) và cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận danh sách.

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách theo đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và gửi doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) nơi đặt trụ sở. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch xác minh điều kiện về doanh thu hoặc nguồn tài chính của doanh nghiệp)



trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

c) Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong tháng 5/2020.

## **2. Hỗ trợ hộ kinh doanh**

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Doanh thu do cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh năm 2020 dưới 100 triệu đồng, được xác định tại thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

- Hồ sơ đề nghị theo Mẫu số 02, 03 kèm theo Kế hoạch này, gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Trong 05 ngày, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế. Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Trong 03 ngày, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và chỉ đạo thực hiện hỗ trợ.

## **3. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp**

a) Điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ kinh phí khi có đủ các điều kiện sau đây: Có giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trước thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2020 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2020 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định; không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo của tỉnh.



b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

- Hồ sơ đề nghị theo Mẫu số 04, 05 kèm theo Kế hoạch này.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát và xác nhận mức thu nhập, tổng hợp danh sách trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Bảo hiểm xã hội thẩm định, xác nhận người lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trong 02 ngày làm việc.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, trong 03 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

#### **4. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm**

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

+ Mất việc làm và có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo của tỉnh, trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương.

+ Thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp, làm một trong những công việc sau: Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; thu gom rác, phế liệu; bốc vác, vận chuyển hàng hóa; lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách; bán lẻ xổ số lưu động; tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ người bán lẻ xổ số lưu động được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của các Công ty Xổ số kiến thiết và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Hồ sơ và trình tự, thủ tục:

- Hồ sơ đề nghị theo Mẫu số 06, 07 kèm theo Kế hoạch này, gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sau ngày 15 hàng tháng (tháng 5, tháng 6). Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không trong tỉnh Đồng Nai, nếu đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng các chính sách theo Kế hoạch này và ngược lại.



- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 02 ngày làm việc; tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

## **5. Hỗ trợ người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội**

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Hỗ trợ người có công với cách mạng:

Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng (bao gồm cả thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng) trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4 năm 2020.

- Hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 3 năm 2020 của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo chuẩn của tỉnh.

- Hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội:

Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng, trong danh sách hưởng trợ cấp xã hội tháng 4 năm 2020.

b) Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ:

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát, chống trùng, tổng hợp, thẩm định, xác nhận danh sách đối tượng theo Mẫu số 08, 09, 10, 11, 12, 13 kèm theo Kế hoạch này, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) trong 03 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt danh sách, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trong 03 ngày làm việc.



- Sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ trong 02 ngày làm việc.

c) Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/5/2020.

## **6. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động**

a) Điều kiện vay vốn:

- Có từ 20% hoặc từ 30 người lao động trở lên đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên; đã trả trước tối thiểu 50% tiền lương ngừng việc cho người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

- Đang gặp khó khăn về tài chính, không cân đối đủ nguồn để trả lương ngừng việc cho người lao động, đã sử dụng hết quỹ dự phòng tiền lương để trả lương cho người lao động ngừng việc.

- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

b) Hồ sơ, thủ tục xác nhận, phê duyệt người sử dụng lao động đủ điều kiện được vay vốn:

- Hồ sơ đề nghị theo Mẫu số 14, 15, 16, 17 kèm theo Kế hoạch này.

- Chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng, người sử dụng lao động có nhu cầu gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân).

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với phòng, ban liên quan để thực hiện) tổng hợp danh sách theo Mẫu số 16 kèm theo Kế hoạch này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách theo Mẫu số 16 kèm theo Kế hoạch này, gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và người sử dụng lao động trong danh sách.

c) Phê duyệt cho vay và tổ chức giải ngân:

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và Quyết định phê duyệt danh sách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa



phương phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

- Việc giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

d) Nguồn vốn cho vay, chi phí quản lý:

- Nguồn vốn để Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Kế hoạch này là nguồn vay tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm từ Ngân hàng Nhà nước.

- Ngân sách nhà nước cấp phí quản lý đối với các khoản cho vay theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành về cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

đ) Chuyển nợ quá hạn và xử lý rủi ro vốn vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Đến kỳ hạn trả nợ, nếu người sử dụng lao động vay vốn không trả được nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 12%/năm. Số tiền lãi quá hạn thu hồi được giảm trừ vào chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp hàng năm.

- Sau 03 năm kể từ ngày khoản nợ vay của người sử dụng lao động bị chuyển nợ quá hạn, sau khi Ngân hàng Chính sách xã hội đã áp dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ và người sử dụng lao động không còn khả năng trả nợ do các nguyên nhân được quy định trong quy chế xử lý rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương tổng hợp, lập hồ sơ xử lý rủi ro theo hướng dẫn và báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, xem xét, quyết định xử lý rủi ro.

- Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội thu hồi được khoản nợ đã được xoá thì số thu hồi được giảm trừ vào chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp hàng năm.

e) Xử lý rủi ro khoản nợ tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định xử lý rủi ro đối với khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo Điểm b Khoản 3 Mục IV Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

### **III. NGUỒN KINH PHÍ**



1. Nguồn kinh phí hỗ trợ người bán lẻ xô số lưu động được đảm bảo từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty Xô số kiến thiết theo Khoản 3, Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguồn vốn để Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ là nguồn vay tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0% từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Khoản 1, Điều 16 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguồn kinh phí cho các nhóm đối tượng còn lại quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ: Ngân sách tỉnh đảm bảo.

#### **IV. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHI TRẢ**

1. Đối với người bán lẻ xô số lưu động do Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai thực hiện.

2. Đối với nhóm đối tượng “Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động” do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện.

3. Đối với các nhóm đối tượng còn lại: Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc chi trả qua dịch vụ Bưu điện cho các nhóm đối tượng còn lại theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; nhưng phải kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

#### **V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Làm đầu mối, tổng hợp danh sách các nhóm đối tượng từ UBND huyện, thành phố gửi, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Ký hợp đồng dịch vụ với Bưu điện tỉnh để thực hiện việc chi trả đối với các đối tượng quy định tại Khoản 3, Mục IV của Kế hoạch này.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ tại các địa phương; xử lý hoặc báo cáo đề xuất xử lý theo thẩm quyền những sai phạm trong việc tổ chức triển khai hỗ trợ cho các đối tượng.



đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện tại các phiên họp theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

## **2. Sở Tài chính**

a) Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí chi trả cho các nhóm đối tượng được hỗ trợ theo quy định.

b) Hướng dẫn Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu UBND cùng cấp thẩm định điều kiện về doanh thu, nguồn tài chính để trả lương của các doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ người lao động theo quy định tại Chương I Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai bố trí nguồn kinh phí, hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính để hỗ trợ cho đối tượng người bán lẻ xổ số lưu động theo quy định.

d) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện tại các địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Căn cứ các quy định, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đề cập nhật tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời những nội dung liên quan thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, đảm bảo thực hiện hiệu quả và kịp thời các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

b) Theo dõi và tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương kết quả triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

## **4. Cục Thuế tỉnh**

a) Tuyên truyền cho các hộ kinh doanh cá thể nắm rõ chính sách hỗ trợ điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định.

b) Chỉ đạo Chi cục Thuế huyện, thành phố rà soát, xác định danh sách hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm theo quy định tại Khoản 3 Mục II Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 3, Chương II Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Chỉ đạo Chi cục Thuế huyện, thành phố phối hợp chính quyền địa phương cùng cấp nơi đăng ý địa điểm kinh doanh thống kê và tổng hợp danh sách chính xác chi tiết số hộ kinh doanh cá thể đủ điều kiện được hỗ trợ, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

## **5. Bảo hiểm xã hội tỉnh**



a) Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cho các doanh nghiệp, người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan tới việc xác nhận về bảo hiểm xã hội.

b) Xác nhận danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do doanh nghiệp đề nghị đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và gửi doanh nghiệp.

c) Xác nhận đối tượng chấm dứt hợp đồng lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

### **6. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh**

a) Chủ trì, hướng dẫn Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc cho vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh bảo đảm đúng quy định.

### **7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

a) Tổ chức triển khai, thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về cho vay đối với người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc cho người lao động.

b) Hướng dẫn người sử dụng lao động lập hồ sơ vay vốn, phê duyệt cho vay sau khi nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn và Quyết định phê duyệt danh sách của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; số tiền người sử dụng lao động vay được Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay chi trả hàng tháng đến người lao động bị ngừng việc theo danh sách người lao động bị ngừng việc được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt cho vay thì thông báo từ chối cho vay bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

c) Định kỳ hàng tháng (ngày 30 hàng tháng) hoặc đột xuất báo cáo kết quả, tình hình triển khai thực hiện cho vay gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, UBND tỉnh.

### **8. Kho bạc Nhà nước tỉnh**

a) Phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

b) Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố phối hợp cơ quan Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp và các xã, phường, thị trấn, các đơn vị liên quan sử dụng kinh phí chi trả hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn.

### **9. Công an tỉnh**



Tăng cường chỉ đạo việc bảo đảm an ninh trật tự; tham gia, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan nắm bắt tình hình để tham mưu phòng, chống, xử lý đối với những trường hợp có hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ động phối hợp các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố cung cấp nội dung thông tin tuyên truyền kịp thời để chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và hệ thống đài truyền thanh cấp huyện tổ chức tốt công tác tuyên truyền các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

b) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật Công dịch vụ công của tỉnh, hệ thống một cửa điện tử tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối, tích hợp, cập nhật trạng thái đồng bộ dữ liệu lên Công dịch vụ công Quốc gia. Cập nhật cấu hình thủ tục hành chính lên hệ thống một cửa điện tử, Công dịch vụ công trực tuyến kịp thời.

### **11. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai**

Chủ trì tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp và người lao động làm việc trong các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế nắm rõ chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp và đối với người lao động tạm hoãn thực hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương; hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý đủ điều kiện lập hồ sơ gửi UBND huyện, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính.

### **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa**

a) Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn:

- Xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể, niêm yết công khai và tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế huyện, thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, xác nhận mức thu nhập và tổng hợp danh sách người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trình UBND huyện, thành phố.

- Tiếp nhận, rà soát, thẩm định và lập danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư, trình UBND huyện, thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, chống trùng các nhóm đối tượng lập danh sách trình UBND huyện, thành phố theo quy định.



- Chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Bưu điện cùng cấp thực hiện tuyên truyền, cung cấp danh sách, chi trả trợ cấp cho các nhóm đối tượng được hỗ trợ, đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng đối tượng.

- Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về việc thẩm định danh sách các nhóm đối tượng đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, chống trùng.

b) Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố:

- Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể và nhân dân trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

- Tiếp nhận, lập danh sách, thẩm định, phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng, tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) phê duyệt danh sách và cấp kinh phí hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị, địa phương trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu về nội dung, tiến độ quy định và bảo đảm yêu cầu an toàn về phòng, chống dịch Covid-19.

- Chủ tịch UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thẩm định danh sách chính xác, công khai, minh bạch, chống trùng

### **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tuyên truyền, giám sát thực hiện Kế hoạch này tại các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

### **14. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh**

a) Chỉ đạo Công đoàn các cấp hướng dẫn công đoàn cơ sở thủ tục xác nhận danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do doanh nghiệp đề nghị đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tuyên truyền đến người lao động hiểu nguyên tắc hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 là chỉ hỗ trợ đối tượng lao động tại các doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến ngày 31 tháng 3 năm 2020) do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 để chia sẻ và đồng hành cùng địa phương, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nhanh chóng khắc phục hậu quả do dịch Covid-19.

### **15. Đề nghị Bưu điện tỉnh**



Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng phương án và tiến hành thực hiện chi trả hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, chống trùng, đúng đối tượng theo quy định.

## 16. Chế độ báo cáo

a) UBND huyện, thành phố phối hợp đơn vị chi trả (Bưu điện tỉnh) thực hiện chế độ báo cáo nhanh hàng tuần (Thứ Sáu cuối tuần) về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để kịp thời chỉ đạo, xử lý.

b) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Định kỳ hàng tháng (ngày 30 hàng tháng) báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện; nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét, chỉ đạo./.

### Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UMMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục V;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS, CTTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hòa Hiệp**



TÊN DOANH NGHIỆP.....

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG,  
NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**

Tháng ....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố.....

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

**II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Ghi chú
...										
	<b>Cộng</b>									

(Số tiền hỗ trợ bằng chữ: .....)

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội  
(Ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức công đoàn  
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....  
**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ....

**Hồ sơ kèm theo gồm có:** Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương;

Bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 và các giấy tờ chứng minh tài chính khác của doanh nghiệp.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn .....

**I. THÔNG TIN HỘ KINH DOANH**

1. Tên hộ kinh doanh: .....
2. Địa điểm kinh doanh: .....
3. Ngành, nghề kinh doanh: .....
4. Mã số thuế hoặc mã số đăng ký kinh doanh: .....

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH**

1. Họ và tên: ..... Ngày.....tháng.....năm sinh: .....
2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp:.....
4. Số điện thoại: .....Địa chỉ email (nếu có):.....
5. Nơi ở hiện nay (1):.....

Kể từ ngày ...../...../..... đến ngày ....., hộ kinh doanh bị tạm ngừng kinh doanh theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ..... triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ..... xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo đúng quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

- Tài khoản (Tên tài khoản.....Số tài khoản tại ngân hàng:.....)
- Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)
- Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Gửi kèm theo Đơn là Bản sao Thông báo nộp thuế theo Mẫu số 01/TBT-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.*

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:** Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.



Mẫu số 03

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

## DANH SÁCH HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

Kính gửi: Chi cục Thuế huyện, thành phố.....

## I. Danh sách Hộ kinh doanh cá thể

TT	Tên hộ kinh doanh	Ngành nghề	Địa điểm kinh doanh	Vốn	Tên chủ hộ	CMND	Địa chỉ thường trú/tạm trú	Thời điểm ngừng kinh doanh	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của chủ hộ nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)
...										
	<b>Cộng</b>									

(Số tiền hỗ trợ bằng chữ: .....)

... Ngày tháng ... năm 2020

**CT.UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

....



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn .....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Họ và tên:.....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../. ..... Nơi cấp: .....
4. Nơi ở hiện tại:.....  
Nơi thường trú: .....
- Nơi tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC**

1. Ngày ...../...../2020, tôi đã chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc với (tên đơn vị) tại địa chỉ:.....

2. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm:..... đồng/tháng
3. Số sổ bảo hiểm xã hội: .....

Trường hợp không có Sổ bảo hiểm xã hội thì nêu rõ lý do: .....

**III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY**

1. Công việc chính: .....
2. Thu nhập hiện nay: .....đồng/tháng

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số .../2020/QĐ-TTg ngày .... tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo quy định.

Nêu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

- Tài khoản (Tên tài khoản:..... Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....)
- Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)
- Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Gửi kèm theo Đơn đề nghị là.....<sup>1</sup>

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Ghi chú:** 1. Bản sao một trong các giấy tờ sau:

- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

- Quyết định thôi việc;

- Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc;

- Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Trường hợp không có Sổ bảo hiểm xã hội thì người lao động nêu rõ lý do trong Giấy đề nghị



UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ  
TRẦN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC  
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.....

II. Danh sách người lao động bị chấm dứt HĐLĐ, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	CMND	Địa chỉ (ghi rõ thường trú hay tạm trú)	Tên DN làm việc trước khi chấm dứt HĐLĐ, HĐLV	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ, HĐLV	Thời điểm chấm dứt HĐLĐ, HĐLV (Ngày tháng năm)	Thu nhập hiện tại (ĐVT triệu đồng)	Số sổ bảo hiểm	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)
...											
	<b>Cộng</b>										

(Số tiền hỗ trợ bằng chữ: .....)

**CT.UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

- 1. Họ và tên: .....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
- 2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
- 3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
- 4. Nơi ở hiện tại:.....  
Nơi thường trú: .....
- Nơi tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....
- 5. Số sổ bảo hiểm xã hội (nếu có): ..... Số thẻ bảo hiểm y tế:.....

**II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI MẤT VIỆC LÀM**

1. Công việc chính <sup>1</sup>:

- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định
- Thu gom rác, phế liệu
- Bốc vác, vận chuyển hàng hóa
- Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách
- Bán lẻ vé số lưu động

Tự làm hoặc làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe

2. Nơi làm việc <sup>2</sup>: .....

3. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm:..... đồng/tháng

**III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY**

1. Công việc chính: .....

2. Thu nhập hiện nay: .....đồng/tháng.



Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số .../2020/QĐ-TTg ngày .... tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

- Tài khoản (Tên tài khoản:..... Số tài khoản: .....Ngân hàng: .....)
- Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)
- Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....ngày.....tháng....năm 2020

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động
2. Trường hợp làm việc cho hộ kinh doanh thì ghi tên, địa chỉ hộ kinh doanh

Mẫu số .....  
UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ  
TRẦN

Mẫu số 07  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.....

I. Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc  
làm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	CMND	Địa chỉ (ghi rõ thường trú hay tạm trú)	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc (ghi rõ ngày, tháng)	Thu nhập hiện tại (ĐVT triệu đồng)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)
...										
	Cộng									

(Số tiền hỗ trợ bằng chữ: .....)

CT.UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN  
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

.....



UBND QUẬN/HUYỆN.....

**DANH SÁCH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO  
ĐẠI DỊCH COVID-19**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ghi rõ đối tượng trùng)	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng TCƯĐ hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng cộng:</b>								

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP  
HUYỆN .....  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- Ghi số thứ tự từ 1 đến hết
- Ghi rõ, đầy đủ họ và tên người thuộc đối tượng nhận hỗ trợ; ghi lần lượt theo từng đối tượng để tiện theo dõi, tổng hợp, kiểm tra
- 3 - 4. Ghi rõ ngày tháng năm sinh của đối tượng
- Ghi số CMND, Thẻ căn cước công dân
- Ghi chi tiết địa chỉ của đối tượng
- 7 - 8. Ghi loại đối tượng theo chính sách hiện đang hưởng như: Thương binh, bệnh binh...
- Ghi rõ trùng đối tượng NCC với các đối tượng hỗ trợ khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH  
COVID-19**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác (ghi rõ đối tượng trùng)	Số tiền	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng TCUD hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức LĐ hàng tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>Tổng cộng:</b>										

**Tổng cộng:** Số người hỗ trợ: .....; Số tiền: ..... đồng; Bằng chữ:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH....**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- Ghi số thứ tự từ 1 đến hết
- Ghi rõ, đầy đủ họ và tên người thuộc đối tượng nhận hỗ trợ; ghi lần lượt theo từng đối tượng để tiện theo dõi, tổng hợp, kiểm tra
- 3 - 4. Ghi rõ ngày tháng năm sinh của đối tượng
5. Ghi số CMND, Thẻ căn cước công dân
6. Ghi chi tiết địa chỉ của đối tượng
- 7 - 8. Ghi loại đối tượng theo chính sách hiện đang hưởng như: Thương binh, bệnh binh...
9. Ghi rõ trùng đối tượng NCC với các đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
10. Ghi tổng số tiền nhận theo quy định
11. Ký ghi rõ họ tên; trong trường hợp người nhà nhận thay thì ghi rõ họ và tên người nhận, quan hệ với người được nhận hỗ trợ
12. Ghi rõ trong trường hợp đối tượng tự nguyện không nhận hỗ trợ



CƠ QUAN/ĐƠN VỊ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 2020

**DANH SÁCH**  
**ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG**  
**THÁNG**  
**ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (nghìn đồng)	
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi COVID- 19
	<b>Tổng số</b>							
1								
2								
3								
4								
5								

CÁN BỘ LẬP

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Tỉnh.....  
 Huyện.....  
 Xã.....

### DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/Khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
1	- Chủ hộ: Nguyễn Văn A - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo)					
2	....					
...	...					
	<b>Tổng cộng</b>					

**Ghi chú:** Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH**.....  
 (Ký tên và đóng dấu)



Tỉnh.....  
 Huyện.....  
 Xã.....

**DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHỀO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị C - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo)					
2	....					
...	...					
	<b>Tổng cộng</b>					

**Ghi chú:** Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH.....**  
 (Ký tên và đóng dấu)

Tỉnh.....  
 Huyện.....  
 Xã.....

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO		Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo					
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3 + 6	8	9 = 7 x 8	10
1	Xã/huyện/tỉnh										
2	Xã/huyện/tỉnh										

*Ghi chú:* Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH.....**  
*(Ký tên và đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH  
VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố.....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/hộ kinh doanh/cá nhân<sup>1</sup>: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: .....
4. Mã số thuế: .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: .....  
Do..... Cấp ngày .....
6. Quyết định thành lập số<sup>2</sup>: .....
7. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư<sup>3</sup> số: .....  
Do..... Cấp ngày .....
8. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề<sup>4</sup> số: .....  
thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm) .....
9. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....  
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....  
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
10. Giấy ủy quyền số ..... ngày ...../...../..... của .....
11. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp: .....
12. Các hồ sơ kèm theo:

<sup>1</sup> Đối với cá nhân có sử dụng, thuê mướn lao động nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh

<sup>2</sup> Đối với tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>3</sup> Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài

<sup>4</sup> Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định

a) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

b) Danh sách người lao động phải ngừng việc do người sử dụng lao động lập theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Bản sao báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 (đối với doanh nghiệp và tổ chức).

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020

- Năm 2019:

+ Tổng doanh thu: ..... đồng

+ Tổng chi phí: ..... đồng

+ Thuế: ..... đồng

+ Lợi nhuận: ..... đồng

- 3 tháng đầu năm 2020:

+ Tổng doanh thu: ..... đồng

+ Tổng chi phí: ..... đồng

+ Thuế: ..... đồng

+ Lợi nhuận: ..... đồng

- Thời điểm 31/12/2019, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### 2. Tình hình sử dụng lao động, tiền lương

- Tổng số lao động:.....người. Trong đó, số lao động đóng bảo hiểm xã hội thường xuyên đến 31/3/2020 là: .....lao động.

- Số lao động ngừng việc tháng ..../2020:....lao động, chiếm.....%/tổng số lao động.

- Tiền lương ngừng việc phải trả tháng.../2020 là:.....đồng, trong đó:

+ Tiền lương đã trả:.....đồng.

+ Tiền lương chưa trả: .....đồng.

Chúng tôi gặp khó khăn về tài chính, đã cân đối và sử dụng hết nguồn lực tài chính nhưng không đủ chi trả tiền lương ngừng việc cho người lao động. Chúng tôi có nhu cầu vay vốn để trả lương cho người lao động ngừng việc trong tháng...../2020.

## III. ĐỀ NGHỊ

Căn cứ Quyết định số .../2020/QĐ-TTg ngày ...tháng .....năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc .....,

Đề nghị Ủy ban nhân dân .....xác nhận cho .....là đối tượng được hưởng chính sách vay vốn để trả lương ngừng việc tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Chúng tôi cam kết:

+ Chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp trên.



+ Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện nghiêm túc kế hoạch trả nợ đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn và cam kết sẽ dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội./.

...., ngày. .... tháng. ... năm. ...

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu NSDLĐ.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 15

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ NGỪNG VIỆC DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19

Tháng .../2020

Tên đơn vị:

Mã số doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh chính:

Mức lương tối thiểu vùng áp dụng:

Địa chỉ:

Tổng số lao động thường xuyên tại doanh nghiệp:

Tổng số lao động bị ngừng việc:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số CMND/ CCCD	Phòng/ban/ phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số bảo hiểm xã hội	Thời gian ngừng việc		Tổng số tiền lương phải trả (ngàn đồng)	Số tiền lương đã trả (ngàn đồng)	Số tiền để nghỉ vay để trả lương ngừng việc (ngàn đồng)	Số tài khoản nhận lương (nếu có)	Ngân hàng mở tài khoản	Chữ ký
		Nam	Nữ					Từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm	Thời gian (tháng)						
1															
2															
...															
...															

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội

*(Ký tên và đóng dấu)*

Xác nhận của tổ chức

công đoàn

*(Ký tên và đóng dấu)*

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

*(Ký tên và đóng dấu)*

Ngày...tháng...năm....

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Lưu: .....



ỦY BAN NHÂN DÂN.....

Mẫu số 16

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**DANH SÁCH**  
**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG**  
**NGỪNG VIỆC THÁNG .../2020**  
*(Ban hành kèm theo .....)*

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế	Tổng số lao động đóng BHXH	Số lao động ngừng việc		Số tiền lương đã trả người lao động ngừng việc (triệu đồng)	Số tiền cần vay để trả lương ngừng việc (triệu đồng)
					Số lao động	Tỷ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...								
	<b>Tổng cộng</b>							



ỦY BAN NHÂN DÂN.....

Mẫu số 17  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**  
**NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC CỦA ĐƠN VỊ .....**

Tháng .../2020  
(Ban hành kèm theo .....)

TT	Họ và tên	Số sổ bảo hiểm xã hội	Thời gian ngừng việc		Tiền lương ngừng việc			Tài khoản nhận lương	
			Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thời gian	Phần do đơn vị trả	Phần vay NHCSXH	Số tài khoản	Ngân hàng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1									
2									
...									
<b>Tổng cộng</b>									